

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
Địa chỉ: Phòng 427 - 430 Toà nhà Thành Đạt 1, số 03 Lê Thánh Tông, phường
Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Tel: (84-225) 3823351
Website: <http://www.transco.com.vn>

Fax: (84-225) 3822155
Email: transco@transco.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2020

MỤC LỤC

I) Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

II) Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

III) Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

IV) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

V) Quản trị Công ty

VI) Báo cáo tài chính

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo : 2020
Mã chứng khoán : TJC
Tên công ty niêm yết : Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải và Thương mại

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại
- Tên tiếng Anh : Transportation and Trading services joint stock company
- Tên viết tắt : Transco
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200387594
- Vốn điều lệ: 86.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 86.000.000.000 đồng
- Trụ sở giao dịch : Phòng 427 - 430 Toà nhà Thành Đạt 1, Số 03 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Điện thoại : (84 - 225) 3842565 Fax : (84-225) 3822155
- Email : transco@transco.com.vn Website : www.transco.com.vn
- Mã cổ phiếu: TJC

* Quá trình hình thành và phát triển:

a. Việc thành lập

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải và Thương mại tiền thân là Xí nghiệp dịch vụ - vận tải hàng hoá và hành khách trực thuộc Công ty vận tải biển III, thành viên của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

b. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Công ty được cổ phần hoá theo Quyết định số 3827/1999/QĐ-BGTVT ngày 30/12/1999 của Bộ Giao thông vận tải và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 số 0200387594 ngày 28 tháng 04 năm 2017. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2000 với vốn điều lệ 4 tỷ đồng trong đó vốn Nhà nước do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam làm đại diện chiếm 30%, vốn của các cổ đông khác chiếm 70%. Từ tháng 5/2015 đến nay vốn

điều lệ của Công ty là 86 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên làm đại diện chiếm 33,49%, vốn của các cổ đông khác chiếm 66,51%.

c. Niêm yết

Ngày 12 tháng 12 năm 2007 Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp giấy chứng nhận số 368/ ĐKGD cho phép Công ty “ được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2007” với mã chứng khoán TJC.

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch lần đầu tiên vào ngày 17 tháng 12 năm 2007.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh

- a) Vận tải đường thủy;
- b) Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- c) Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;
- d) Kinh doanh bán buôn , đại lý, môi giới;
- e) Kinh doanh bất động sản;
- f) Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm.

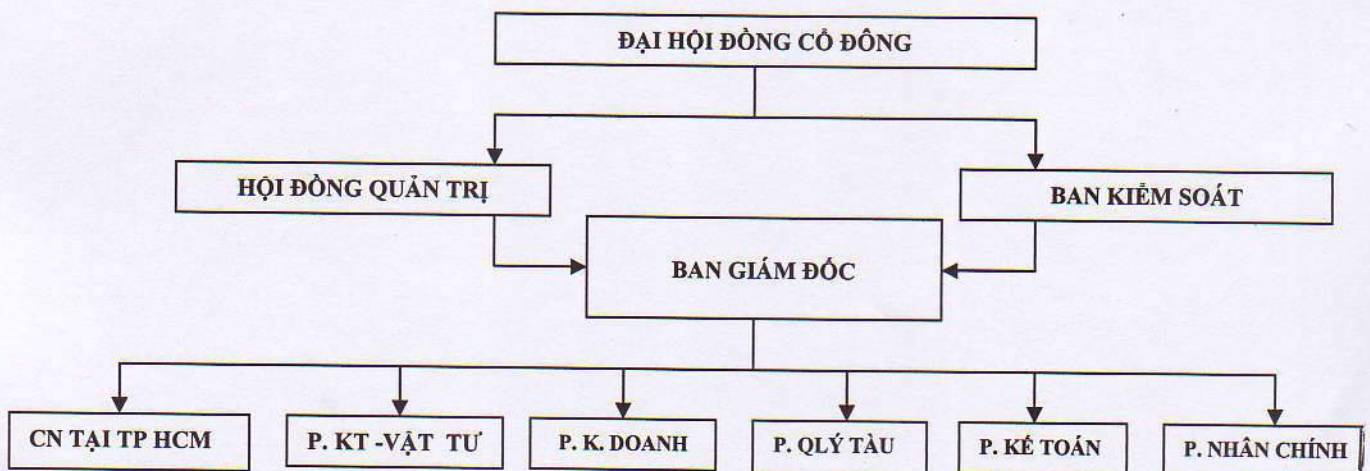
b. Tình hình hoạt động

Với những nỗ lực của cán bộ công nhân viên Công ty và sự hỗ trợ từ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, sau 21 năm hoạt động Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại đã không ngừng lớn mạnh và phát triển. Vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 4 tỷ đồng năm 2000 lên 10 tỷ đồng năm 2004, tháng 11 năm 2007 vốn điều lệ của Công ty đạt 30 tỷ đồng, tháng 5/2010 vốn điều lệ của Công ty đạt 60 tỷ đồng, đến tháng 5/2015 vốn điều lệ của Công ty đã đạt 86 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu ở 02 mảng: khai thác vận tải và dịch vụ vận tải logistics. Tuy nhiên kinh doanh vận tải biển là hoạt động cốt lõi của Công ty. Tính đến 31/12/2020 đội tàu của Công ty gồm 02 tàu hàng khô là tàu Transco Sky và tàu Transco Glory với tổng trọng tải là 16.615 DWT. Các hợp đồng vận chuyển hầu hết đã được ký trước với các bạn hàng truyền thống. Đội tàu được khai thác chủ yếu ở các tuyến Đông Nam á và Đông Bắc á chở chủ yếu là loại hàng rời, hàng bao và hàng bách hoá.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty trong năm 2020 như sau:

- Hội đồng quản trị : gồm 05 thành viên
- Ban kiểm soát : gồm 03 thành viên
- Ban Giám đốc : 01 Giám đốc, 01 phó giám đốc
 - + Phòng Quản lý tàu
 - + Phòng Kế toán
 - + Phòng Kinh doanh
 - + Phòng Nhân chính
 - + Phòng kỹ thuật Vật tư
 - + Chi nhánh tại TP HCM



4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Về kinh doanh đội tàu: Tiếp tục duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống vận chuyển hàng nội địa, xuất nhập khẩu theo tuyến Đông Nam á, Đông Bắc Á, đồng thời khai thác các tuyến vận chuyển mới ở các tuyến xa hơn.

- Về hoạt động dịch vụ: đẩy mạnh hơn nữa công tác phát triển thị trường dịch vụ hàng container, hàng bao, hàng rời, mở rộng quan hệ với các hãng tàu, khách hàng lớn có nguồn hàng vận chuyển ổn định.

- Tiếp tục công tác tuyển dụng thuyền viên, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng các chức danh sỹ quan đã có kinh nghiệm đi tàu để hoàn thiện tốt hơn đội ngũ thuyền bộ cho các tàu của Công ty và mở rộng sang lĩnh vực cho thuê thuyền viên.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát triển thành doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải có trình độ và năng lực cạnh tranh quốc tế, cung cấp các dịch vụ vận tải biển và giao nhận hàng hoá có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước trong đó kinh doanh vận tải biển là chủ lực.

- Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng việc đầu tư phát triển, trẻ hóa đội tàu và tăng cường năng lực vận tải. Năm 2019 Công ty đã bán tàu Transco Star trọng tải 6.607 tấn do cỡ tàu nhỏ, 02 tầng boong không phù hợp với mặt hàng, tuyến khai thác hiện tại của Công ty và chi phí ngày tàu cũng tương đối cao so với mặt bằng tàu cùng cỡ trên thị trường nên khả năng cạnh tranh thấp, kinh doanh không hiệu quả. Trong ngắn hạn, thị trường vận tải biển vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, Công ty cố gắng khai thác tốt đội tàu hiện có và có hướng mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang khai thác xe đầu kéo container đang được đánh giá có hiệu quả hơn trong tình hình thị trường hiện nay khi mà khai thác tàu biển đang gặp nhiều khó khăn.

- Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ hàng hải và vận tải, tiến tới xây dựng mô hình kinh doanh dịch vụ khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá.

- Thâm nhập lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Công ty sẽ xem xét hợp tác với các đối tác kinh doanh bất động sản có uy tín để thực hiện các dự án khai thác kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng cho thuê trên quỹ đất hiện có và các dự án đầu tư mới.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội, cộng đồng)

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải của đội tàu, không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, sử dụng hiệu quả nguồn nhiên liệu, giảm thiểu tối đa chất thải vào môi trường, đảm bảo môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO.

Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo thu nhập và môi trường làm việc tốt cho cán bộ công nhân viên và sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Luôn duy trì các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, ủng hộ các vùng bị thiên tai lũ lụt... nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của cán bộ công nhân viên với cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.

5. Các rủi ro:

a) Rủi ro kinh doanh:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty – hoạt động vận tải biển – chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô và các biến động chính trị trên toàn thế giới. Tất cả các biến động về kinh tế – chính trị trên thế giới đều làm ảnh hưởng đến quan hệ thương mại giữa các quốc gia, khu vực, và do đó tất yếu ảnh hưởng đến hoạt động vận tải biển của Công ty.

Trong năm 2020, thị trường vận tải biển vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Thị phần vận tải biển Việt Nam bị cạnh tranh gay gắt bởi không chỉ các hãng tàu nước ngoài mà cả rất nhiều các công ty khác hoạt động trong lĩnh vực vận tải, nguồn hàng vận chuyển khan hiếm, giá cước vận tải vẫn ở mức thấp trong khi các chi phí đầu vào vẫn liên tục tăng cao như chi phí sửa chữa, cảng phí, nhiên liệu... ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt ngày càng nhiều các Công ty hoạt động về lĩnh vực vận tải trong và ngoài nước nên sự cạnh tranh về giá cước rất khốc liệt.

Các quy định, tiêu chuẩn của các Công ước mới ban hành ngày càng đưa ra những yêu cầu khắt khe hơn để bảo vệ con người và môi trường làm phát sinh chi phí lắp đặt thiết bị, sửa chữa, bảo quản bảo dưỡng cho Công ty. Nguồn nhân lực gặp nhiều khó khăn khi nghề đi biển không còn hấp dẫn như trước kia nên không thu hút được lao động, nhiều thuyền viên đã chuyển nghề hoặc bị các đơn vị vận tải biển khác lôi kéo.

b) Rủi ro bất khả kháng:

Ngành hàng hải là một trong những lĩnh vực kinh doanh có nhiều rủi ro bao gồm những rủi ro bất khả kháng do thiên tai, địch họa, bão lụt, chiến tranh..., có thể gây ra tổn thất đối với phương tiện vận tải, hàng hoá và con người trên tàu.

c) Rủi ro về môi trường:

Tình trạng biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng cao cùng với những thay đổi bất thường về thời tiết làm cho bão, sóng thần, thiên tai xảy ra liên tiếp làm cho nghề đi biển ngày càng khó khăn, nguy hiểm.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 đã được kiểm toán :

- Doanh thu thuần : 102.751.617.888 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 2.167.430.448 đồng

Bảng 1 : So sánh tình hình thực hiện năm 2020 với kế hoạch năm 2020

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (%) THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH
I	Tổng sản lượng vận tải	tấn	620.000	358.626	57.84
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	148.500	102.751	69.19
1.1	Vận tải biển	Tr.đồng	112.500	96.325	85.62
1.2	Dịch vụ	Tr.đồng	36.000	6.426	17.85
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.700	2.167	80.25
3	Tỷ lệ LN sau thuế/ tổng doanh thu	%	1,81	2,1	
4	Tỷ lệ LN sau thuế/ vốn điều lệ	%	3,13	2,51	
5	Cổ tức / Cổ phiếu(%/vốn điều lệ)		không thực hiện	không thực hiện	

Năm 2020 dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp ảnh hưởng đến sự phục hồi kinh tế thế giới và khu vực. Nhu cầu vận chuyển hàng hoá trong khu vực Đông Nam Á - Đông Bắc Á - Ấn Độ vẫn duy trì ở mức trung bình, chưa có dấu hiệu khởi sắc, mặt bằng cước vẫn ở mức thấp. Hoạt động kinh doanh của Công ty ở cả 02 mảng : vận tải biển và dịch vụ logistics vẫn gặp rất nhiều khó khăn do sự cạnh tranh về giá cước vận tải ngày càng gay gắt, sản lượng xuất khẩu các loại hàng hoá của các đối tác thường niên như than, clinker trong năm vẫn ở mức thấp nên tình trạng các tàu phải neo chờ nhiều ngày để kiếm hàng hoặc phải chạy rỗng xa đến các cảng xếp hàng phát sinh thêm nhiều chi phí. Hoạt động dịch vụ vận tải vẫn chưa có hướng phát triển , giá cước dịch vụ thấp, việc thuê tàu khó khăn dẫn đến sản lượng ít, hiệu quả thấp. Tuy nhiên cuối năm 2019 Công ty đã bán thanh lý tàu Transco Star do khai thác không hiệu quả, năm 2020 đội tàu của Công ty hiện chỉ còn khai thác 02 con tàu là tàu Transco Sky và tàu Transco Glory nhưng Ban điều hành đã cố gắng tính toán, lựa chọn phương án khai thác hợp lý hơn cũng như kiểm soát tốt ngày tàu, tiết giảm tối đa các khoản chi phí nên kết quả kinh doanh năm 2020 đã có nhiều khởi sắc hơn so với năm 2019, tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 2,167 tỷ đồng trong khi năm 2019 Công ty bị lỗ 26,5 tỷ đồng. Tuy nhiên kết quả này vẫn chưa đạt được kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự:

*** Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**

a. Ông Lê Tất Hưng - Giám đốc điều hành

- Sinh ngày : 20/04/1964
- Giới tính : Nam
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số điện thoại : 0913244180
- Số CCCD : 031064007612
- Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty
- Nơi ở hiện nay : Tổ dân phố 11, Phường Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác :
 - + Từ năm 1988 đến tháng 06/2002 : công tác tại Công ty vận tải biển III (Vinaship), kiêm ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và TM.
 - + Từ tháng 6/2002 đến 12/10/2009 : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty.
 - + Từ 12/10/2009 đến 29/06/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty.
 - + Từ 29/06/2020 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 176.000 cổ phần

b. Ông **Phan Duy Vân** - Phó Giám đốc Công ty

- Sinh ngày : 18/05/1966
- Giới tính : Nam
- Nơi sinh : Nghệ An
- Số điện thoại : 0912452896
- Số CMTND : 030802311
- Chức vụ hiện nay : Phó Giám đốc công ty
- Nơi ở hiện nay : Số 9 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Khai thác máy tàu thủy
- Quá trình công tác :
 - + Từ tháng 01/2001 đến 02/2003 : Sỹ quan máy Công ty vận tải biển III (Vinaship).
 - + Từ tháng 02/2003 đến 09/2004 : cán bộ phòng kinh doanh Công ty CP Dịch vụ vận tải và TM.
 - + Từ tháng 10/2004 đến 12/2007: cán bộ phòng Quản lý tàu Công ty CP Dịch vụ vận tải và TM.

- + Từ tháng 05/2007 đến 11/2007: Phó phòng Quản lý tàu Công ty CP Dịch vụ vận tải và TM.
- + Từ tháng 12/2007 đến 08/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật-vật tư Công ty CP Dịch vụ vận tải và TM.
- + Từ 05/2013 đến 29/06/2020: Ủy viên HĐQT Công ty CP Dịch vụ vận tải và TM.
- + Từ 08/2013 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ vận tải và TM.
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 72.120 cổ phần

c. Bà Trần Thị Thanh Nhạn - Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 08/12/1974
- Giới tính : Nữ
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số CMTND : 031174002252
- Số điện thoại : 0904423988
- Nơi ở hiện nay : Số 138 Lô 9 mở rộng đường Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng.

- Quá trình công tác :
 - + Từ 1996 - tháng 5/2001 : Cán bộ kế toán Công ty vận tải biển III.
 - + Từ tháng 5/2001 - 10/2004 : Cán bộ kế toán Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và TM.
 - + Từ tháng 11/2004 - 01/2017 : Phó phòng kế toán Cty CP dịch vụ vận tải và TM
 - + Từ tháng 02/2017 - 04/2018: Trưởng phòng kế toán Cty CP dịch vụ vận tải và TM
 - + Từ tháng 5/2018 đến nay: Kế toán trưởng Cty CP dịch vụ vận tải và TM
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính kế toán
- Số cổ phần nắm giữ : 7.500 cổ phần

***Tình hình biến động nhân sự của Ban điều hành : không có**

*** Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

- Số lượng cán bộ công nhân viên trong công ty : 74 người
- Chính sách đối với người lao động :

+ Chế độ làm việc : Người lao động trong công ty đều có hợp đồng theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của

pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội ... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày / tuần và 8 giờ/ ngày.

+ Chính sách tuyển dụng, đào tạo nhân lực : Đối với thuyền viên, thường xuyên tổ chức công tác đào tạo, huấn luyện thuyền viên trực tiếp ngay tại Công ty và trên các phương tiện vận tải biển, gửi thuyền viên tham dự các khoá đào tạo cập nhật kiến thức, kỹ năng thực hành tại các cơ sở đào tạo thuyền viên chuyên nghiệp trong nước. Các sỹ quan thuyền viên mới tuyển dụng phải trải qua các khoá huấn luyện ngắn hạn trước khi đưa xuống các phương tiện vận tải. Đối với lao động gián tiếp, công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu công việc, tham gia các khoá tập huấn các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

+ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi : Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Quy chế lương của Công ty xây dựng trên cơ sở khuyến khích tối đa mức độ đóng góp của nhân viên, định kỳ hai lần trong năm Hội đồng Khen thưởng Kỷ luật hợp đánh giá mức độ cống hiến của từng nhân viên trong Công ty, trên cơ sở đó đề ra mức khen thưởng lợi ích cụ thể với từng người, điều này đã khuyến khích cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty. Hằng năm, Công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích động viên người lao động gắn bó với công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trước tình hình khó khăn trong khai thác vận tải biển, năm 2020 Công ty chưa đầu tư thêm tàu mà cố gắng khai thác tốt đội tàu hiện có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	115.503.546.176	107.384.017.967	-26.4
Doanh thu thuần	134.182.053.752	102.751.617.888	-23.49
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(11.101.169.262)	685.420.048	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,03	4,13	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,82	3,73	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,19	0,11	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,12	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán <u>Hàng tồn kho bình quân</u>	27,24	26,87	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,16	0,95	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,19	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,28	0,022	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,22	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	-0,08	0,006	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 8.600.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông, chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Chi tiết về cơ cấu cổ đông tính đến ngày 01/06/2020:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	8,579,760	85,797,600,000	99,77	20,140	201,400,000	0,23	8,600,000	86,000,000,000	100
1. Cổ đông Nhà nước	2,880,000	28,800,000,000	33,49	0	0	0	2,880,000	28,800,000,000	33,49
2. Cổ đông đặc biệt	297,520	2,975,200,000	3,46	0	0	0	290,020	2,900,200,000	3,37
- Hội đồng quản trị	256,120	2,561,200,000	2,98				256,120	2,561,200,000	2,98
- Ban giám đốc	248,120	2,481,200,000	2,88				248,120	2,481,200,000	2,88
- Ban kiểm soát	33,900	339,000,000	0,39				33,900	339,000,000	0,39
- Kế toán trưởng	7,500	75,000,000	0,08				7,500	75,000,000	0,08
3. Cổ đông trong công ty:	122,155	1,221,550,000	1,42	0	0	0	122,155	1,221,550,000	1,42
- Tổ chức	2,675	26,750,000	0,04				2,675	26,750,000	0,04
- Cán bộ công nhân viên	119,480	1,194,800,000	1,38				119,480	1,194,800,000	1,38
4. Cổ đông ngoài công ty:	5,280,185	52,800,185,000	61,40	20,140	201,400,000	0,23	5,300,325	53,003,250,000	61,63
- Cá nhân	1,493,739	14,937,390,000	17,37	20,140	201,400,000	0,23	1,755,499	17,554,990,000	17,60
- Tổ chức	3,786,446	37,864,460,000	44,03				3,786,446	37,864,460,000	44,03
II. Cổ phiếu quỹ									

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	8,579,860	85,798,600,000	99,77	20,140	201,400,000	0,23	8,600,000	86,000,000,000	100
1. Cổ đông sáng lập	252,200	2,522,000,000	2,93				252,200	2,522,000,000	2,93
2. Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	5,296,000	52,960,000,000	61,58				5,296,000	52,960,000,000	61,58
3. Cổ đông nắm giữ từ 1% - 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1,293,880	12,938,800,000	15,05				1,293,880	12,938,800,000	15,05
4. Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1,737,780	17,377,800,000	20,21	20,140	201,400,000	0,23	1,757,920	17,579,200,000	20,44

- Chi tiết về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% :

1. Tên cổ đông : Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty cổ phần

+ Số cổ phần nắm giữ đến 31/12/2020 : 2.880.000 cổ phần. Tỷ lệ nắm giữ: 33,49%

+ Số giấy phép đăng ký kinh doanh : 0100104595 - Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/08/2020

+ Địa chỉ :Toà nhà Ocean Park - Số 1 Đào Duy Anh - Đống Đa - Hà Nội

+ Người đại diện : Bà Phạm Thị Anh Thư -Uỷ viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và thương mại.

2. Tên cổ đông: Công ty cổ phần Transimex

+ Số cổ phần nắm giữ đến 31/12/2020: 2.836.400 cổ phần. Tỷ lệ nắm giữ: 32,98%.

+ Số giấy phép đăng ký kinh doanh : 0301874259 - Sở Kế hoạch Đầu tư TPHCM cấp ngày 29/04/2016.

+ Địa chỉ : Lầu 9 - 10, 172 Hai Bà Trưng, Phường ĐaKao, Quận 1, TPHCM.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Là đơn vị kinh doanh vận tải biển nên chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành vận tải (khoảng 30-40%) cho nên tiết kiệm tiêu hao nhiên liệu luôn là sự quan tâm hàng đầu trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu ảnh hưởng biến động giá nhiên liệu lên tổng giá thành vận tải, Công ty đã áp dụng các biện pháp kinh tế và kỹ thuật nhằm tiết kiệm cắt giảm chi phí nhiên liệu, cụ thể như tính toán, xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu phù hợp cho từng tàu, thực hiện kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quy trình cung ứng và sử dụng nhiên liệu trên từng phương tiện, bảo quản bảo dưỡng máy móc thường xuyên nhằm đảm bảo mức tiêu thụ nhiên liệu là thấp nhất, so sánh và lựa chọn nguồn cung ứng nhiên liệu trong nước và nước ngoài có giá tốt nhất trong hành trình chạy tàu.

6.2 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn chấp hành và thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, do đó Công ty không bị xử phạt trong các vấn đề liên quan đến môi trường.

Hồ sơ pháp lý về thực hiện Luật bảo vệ môi trường:

Loại hồ sơ	Tên dự án	Số quyết định phê duyệt	Ngày phê duyệt	Ghi chú
Giấy phép xả nước thải vào nguồn	Tàu Transco Sky	455/15TB-SPP	28/05/2015	“Giấy chứng nhận phù hợp ô nhiễm do nước thải” - do Cục đăng kiểm cấp
	Tàu Transco Glory	1161/15TB-SPP	18/08/2015	
Giấy chứng nhận phù hợp quản lý nước dẫn	Tàu Transco Glory	1102/17TB BWM	- 25/08/2017	“Giấy chứng nhận phù hợp quản lý nước dẫn” - do Cục đăng kiểm cấp
	Tàu Transco Sky	1135/17TB BWM	- 16/08/2017	

6.3 Chính sách liên quan đến người lao động

Năm 2020 tổng số lao động trong Công ty là 74 người, trong đó khối quản lý là 22 người, khối trực tiếp sản xuất là 52 người. Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật lao động và các quy định khác của pháp luật.

a) Chính sách lương:

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trên toàn Công ty. Tổng quỹ lương được xây dựng trên đơn giá tiền lương do Hội đồng quản trị giao. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh. Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động, đồng thời có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Năm 2020, thu nhập bình

quân của sỹ quan, thuyền viên là 15,8 triệu đồng/người-tháng (thủy thủ, thợ máy làm việc trên tuyến Đông Bắc Á là 12 triệu đồng/người-tháng, tuyến Đông Nam Á là 14 triệu đồng/người-tháng. Thu nhập bình quân toàn Công ty là 14 triệu đồng/người-tháng, có giảm hơn so với năm 2019. Công ty luôn trả lương đầy đủ và đúng thời hạn quy định và trả lương cho chức danh thấp nhất không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

Quy chế lương thưởng của Công ty xây dựng trên cơ sở khuyến khích tối đa mức độ đóng góp của nhân viên nhằm khích lệ và khuyến khích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Định kỳ hai lần trong năm Hội đồng lương họp đánh giá mức độ cống hiến của từng nhân viên trong Công ty, trên cơ sở đó đề ra mức lương cụ thể với từng người, điều này đã khuyến khích cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực làm việc, gắn bó lâu dài với Công ty.

b) Chính sách thưởng:

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên, thuyền viên gia tăng hiệu quả đóng góp, Hội đồng sáng kiến đưa ra chính sách thưởng hàng năm, thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tìm kiếm nguồn hàng mới, khai thác tuyến mới có hiệu quả kinh doanh cao, có thành tích chống lãng phí, tiêu cực.

c) Chính sách khác:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và các chế độ khác đối với người lao động. Định kỳ hàng năm Công ty tổ chức cho CBCNV đi khám sức khoẻ 01 lần và riêng nữ CBCNV có thêm 01 lần khám sức khoẻ sinh sản. Kết hợp với Ban chấp hành công đoàn luôn quan tâm, chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao chất lượng sinh hoạt nơi công cộng và trên các tàu.

Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động trên tàu, có các biện pháp cần thiết để phòng các tai nạn lao động, bảo vệ môi trường.

Ngoài ra Ban giám đốc Công ty luôn có chế độ thưởng nhân dịp các ngày lễ, tết như 30/4, 2/9, Tết dương lịch, Tết nguyên đán, đồng thời kết hợp với công đoàn hàng năm tổ chức cho cán bộ công nhân viên và sỹ quan thuyền viên đi tham quan, nghỉ mát, tổ chức phát phần thưởng cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập.

d) Hoạt động đào tạo người lao động:

20
GT
HÀN
AN
GM
TP

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên và thuyền viên.

Đối với thuyền viên: Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ sỹ quan thuyền viên, Công ty thường xuyên tổ chức công tác đào tạo, huấn luyện thuyền viên trực tiếp ngay tại Công ty và trên các phương tiện vận tải biển, gửi thuyền viên tham dự các khoá đào tạo cập nhật kiến thức, kỹ năng thực hành tại các cơ sở đào tạo thuyền viên chuyên nghiệp trong nước. Các sỹ quan thuyền viên mới tuyển dụng phải trải qua các khoá huấn luyện ngắn hạn trước khi đưa xuống các phương tiện vận tải.

Đối với lao động gián tiếp: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu công việc, tham gia các khoá tập huấn các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 tác động lên nền kinh tế toàn cầu khiến Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn khi nguồn hàng vận chuyển ngày càng khan hiếm, giá cước vẫn ở mức thấp. Với quy mô doanh nghiệp nhỏ, khai thác 02 con tàu dưới 10.000 DWT, tuổi tàu bình quân là 20 nên Công ty gặp không ít khó khăn, cạnh tranh đến từ các đơn vị kinh doanh trong nước, các chủ tàu nước ngoài có đội tàu trẻ, phạm vi hoạt động rộng. Tàu Transo Sky lên đà sửa chữa định kỳ, do ảnh hưởng thời tiết xấu (mưa nhiều) nên tiến độ sửa chữa chậm, thời gian lên đà sửa chữa mất 38 ngày làm giảm thời gian vận doanh. Về hoạt động dịch vụ: Do thị trường vận tải biển khó khăn nên dự án đầu tư sà lan chở hàng rời, hàng container buộc phải tạm dừng trong khi một số dịch vụ hàng container, hàng rời truyền thống khác vẫn duy trì ở mức thấp, chưa có hướng phát triển. Kết thúc năm 2020, so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Công ty hoàn thành được 57,84% sản lượng vận tải biển, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 69,19%. Tuy nhiên trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã có những chiến lược khai thác hợp lý, cố gắng tiết giảm tối đa các khoản chi phí cùng với sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty nên hiệu quả kinh doanh năm 2020 đã tốt hơn rất nhiều so với năm 2019. Kết thúc năm 2020 kết quả kinh doanh của Công ty lãi 2,167 tỷ đồng trong khi năm 2019 Công ty bị lỗ 26,5 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Giá trị sổ sách tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 :

+ Tổng giá trị tài sản	:	107.384.017.967 đồng
Trong đó : - Tài sản ngắn hạn	:	44.272.096.450 đồng
- Tài sản dài hạn	:	63.111.921.517 đồng
+ Tổng nguồn vốn	:	107.384.017.967 đồng
Trong đó: - Nợ phải trả	:	11.729.261.358 đồng
- Vốn chủ sở hữu	:	95.654.756.609 đồng

Đặc thù của doanh nghiệp ngành vận tải thì tỷ trọng chủ yếu trong tổng tài sản vẫn là tài sản dài hạn. Đến cuối năm 2019 Công ty bán tàu Transco Star do tàu đã cũ, kinh doanh không hiệu quả nên hiện chỉ còn khai thác trên 02 con tàu là tàu Transco Sky và Transco Glory có độ tuổi bình quân 20 tuổi, với tổng trọng tải 16.615 DWT. Giá trị còn lại của các tàu đến 31/12/2020: Transco Sky là 21 tỷ đồng, Transco Glory là 30,5 tỷ đồng. Việc bán tàu Transco Star giúp Công ty cơ cấu lại đội tàu, kiểm soát chi phí được tốt hơn, đội tàu được khai thác hiệu quả hơn so với năm 2019.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Nhìn chung Công ty đều thanh toán các khoản nợ cho khách hàng tương đối đều đặn và ổn định theo đúng quy định trong hợp đồng. Công ty luôn cân đối nguồn vốn để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đúng thời hạn. Tính đến 31/12/2020, Công ty đã trả hết được nợ vay Ngân hàng mua tàu Transco Glory và hiện không còn khoản vay nào dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2020, Công ty liên tục rà soát để phân loại, đào tạo lại những thuyền viên có năng lực yếu kém, không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu công việc, đào tạo nâng cao trình độ quản lý và vận hành tàu của các sỹ quan thuyền viên, tăng cường tuyển dụng những thuyền viên có trình độ cao để hoàn thiện bộ máy thuyền bộ của Công ty. Xây dựng quy chế tiền lương mới để kích thích người lao động làm việc có trách nhiệm, nâng cao năng suất lao động.

Hệ thống quản lý an toàn và Lao động hàng hải tiếp tục được thực hiện nghiêm ở cả khối phương tiện và khối quản lý, tuân thủ các quy định của các công ước quốc tế. Tình trạng kỹ thuật của các tàu được giám sát, xử lý kịp thời, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả. Năm 2020, các tàu Công ty khai thác trên các tuyến không bị chính quyền cảng lưu giữ vì lý do không an toàn.

Đối với cán bộ phòng ban, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo cán bộ trẻ, luôn tạo điều kiện cho các cán bộ trẻ đi học thêm các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Thị trường vận tải biển vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc, nhu cầu vận chuyển hàng vẫn chưa nhiều trong khi dư thừa tấn trọng tải. Đội tàu của Công ty chỉ còn 02 tàu nên khả năng cạnh tranh trong thị trường vận tải bị hạn chế. Để Công ty tiếp tục kinh doanh có lãi, gia tăng lợi ích cho các cổ đông và đảm bảo thu nhập cho người lao động, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch dùng nguồn vốn tự có thu được từ việc bán tàu Transco Star kết hợp với vốn vay ngân hàng để triển khai 02 dự án sau ngay trong năm 2021:

1. Dự án xây trụ sở Công ty và cho thuê văn phòng tại khu đất ngã năm Sân bay Cát Bi thuộc sở hữu Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Dự án đầu tư xe đầu kéo container (5 đầu kéo + 5 Rơ moóc) với giá trị đầu tư khoảng 8 tỷ đồng để tham gia vào thị trường logistics đang được đánh giá là hấp dẫn hơn trong bối cảnh hiện nay.

Ngoài ra vẫn tiếp tục các giải pháp để khai thác tốt đội tàu hiện có như:

- Tiếp tục duy trì vận tải mặt hàng xuất nhập khẩu than, thạch cao truyền thống trên tuyến Việt Nam – Thái Lan, cố gắng đảm bảo đủ nguồn hàng hai chiều cũng như ngày tàu vận doanh tốt. Đồng thời tìm kiếm, mở rộng quan hệ với các khách hàng Hàn Quốc, Nhật Bản có uy tín để cho thuê tàu định hạn.

- Nâng cao năng lực quản lý, siết chặt hợp lý các khoản mục chi phí trong giá thành vận tải, đặc biệt là nhiên liệu và sửa chữa.

- Đôn đốc, duy trì tốt công tác bảo quản bảo dưỡng, hạn chế đến mức tối đa hư hỏng, sự cố.

- Đẩy mạnh hơn nữa mảng hoạt động dịch vụ logistic và đại lý vận tải, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dịch vụ, từng bước nâng cao hình ảnh, uy tín của Công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý của CBCNV viên cũng như sỹ quan, thuyền viên dưới tàu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và giảm thiểu những sai

sót, rủi ro trong quá trình vận hành và khai thác tàu. Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức khối quản lý theo hướng tinh, gọn với mục tiêu: Chất lượng - An toàn - Hiệu quả.

-Thực hiện nghiêm các công ước lao động hàng hải, bộ luật an toàn an ninh. Tăng cường việc kiểm tra, giám sát thực hiện chức trách thuyền viên để đảm bảo ngày tàu tốt, khắc phục triệt để các lỗi, khiếm khuyết có thể xảy ra.

Căn cứ vào tình hình thị trường, nhận thức trách nhiệm với các cổ đông và cân nhắc nội lực của Công ty, Ban giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2021
1	Tổng sản lượng	Tấn	350.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	108.000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.800

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

* Về sản xuất kinh doanh:

Trong khi tình hình thị trường vận tải biển trong khu vực cũng như trong nước còn nhiều biến động thất thường, Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh để ban hành các Nghị quyết và quyết định đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty để cố gắng tận dụng các cơ hội của thị trường, từng bước tháo gỡ những khó khăn. Nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, thực hiện các biện pháp để tiết giảm chi phí, đặc biệt là các chi phí chiếm tỷ trọng lớn như nhiên liệu, sửa chữa... Mặt khác quan tâm đến chính sách tiền lương và thực hiện tốt các chính sách liên quan đến quyền lợi của người lao động.

Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan, chủ yếu là tình hình thị trường vận tải biển nói riêng và nền kinh tế nói chung gặp số khó khăn bất lợi do tình hình dịch

bệnh Covid - 19 vẫn diễn biến rất phức tạp nên một số mục tiêu đã đề ra nhưng chưa thực hiện được như:

+ Chưa xây dựng được phương án kinh doanh hiệu quả cho tàu Transco Glory trong vòng 2 năm trở lại đây;

+ Chưa phát triển mảng kinh doanh dịch vụ hàng hải, đại lý vận chuyển và giao nhận.

* Về công tác đầu tư:

Trong giai đoạn thị trường vận tải biển vẫn còn nhiều khó khăn trong một vài năm tiếp theo, nguồn hàng vận chuyển còn nhiều hạn chế và không ổn định, để bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty xác định tạm dừng triển khai các dự án đầu tư mới phương tiện vận tải biển, hướng tới đầu tư xây dựng văn phòng cho thuê và đầu tư đội xe container để mở rộng thêm các mảng hoạt động khác cho Công ty.

* Về công tác nhân sự, lao động:

Đảm bảo thu nhập của người lao động được ổn định, tăng cường công tác nhân sự, đào tạo và tuyển dụng thuyền viên có chất lượng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của đội tàu Công ty. Bên cạnh đó tinh giản bộ máy quản lý theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả.

* Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn đảm bảo tính chính xác và trung thực, thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách kế toán tài chính hiện hành.

2)Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc:

Công tác chỉ đạo kinh doanh của Ban giám đốc luôn theo sát kế hoạch và phương hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với tình hình thực tế. Ban giám đốc làm việc tích cực, làm việc có trách nhiệm, luôn bám sát các công việc hàng ngày, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, quán triệt tinh thần tiết kiệm chi phí trong khai thác quản lý tàu. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được triển khai kịp thời đến các cấp quản lý và các phương tiện. Năm 2020 tuy còn nhiều khó khăn bất lợi nhưng Ban giám đốc đã cố gắng tính toán, lựa chọn phương án khai thác tàu hợp lý, quản lý dòng tiền có hiệu quả nên kết quả sản xuất kinh doanh

năm 2020 Công ty lãi 2,167 tỷ đồng (trong đó lãi do hoạt động sản xuất kinh doanh là 1,2 tỷ đồng, lãi từ hoạt động tài chính là 967 triệu đồng), trong khi năm 2019 Công ty bị lỗ 26,5 tỷ đồng.

Kết hợp với công tác chuyên môn, Ban giám đốc luôn quan tâm đến chế độ lương thưởng và đời sống của CBCNV, tạo sự đoàn kết nhất trí, làm việc nhiệt tình của CBCNV và sỹ quan thuyền viên.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 người trong đó số thành viên độc lập không điều hành 02 người, 01 Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty.

a) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành tính đến hết 31/12/2020:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMTND	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	SỐ CP ĐẠI DIỆN CHO TỔ CHỨC	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP	TĂNG (+) GIẢM (-)
1	Lê Duy Hiệp	072063002244	Chủ tịch HĐQT	0	0	0	0
2	Lê Tất Hưng	030679230	Ủy viên HĐQT/Giám đốc Công ty	176.000	0	2,05%	0
3	Vương Ngọc Sơn	031288529	Ủy viên TT HĐQT	8.000	0	0,09%	0
4	Phạm Thị Anh Thư	030802311	Ủy viên HĐQT/Đại diện vốn của TCT Hàng hải VN	0	2.880.000	33,49%	0
5	Nguyễn Bảo Trung	001082007565	Ủy viên HĐQT	0	0	0	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị họp định kỳ 3 tháng/ lần, tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và đưa ra phương hướng kế hoạch cho quý sau. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành căn cứ nhiệm vụ được phân công chỉ đạo công tác điều hành trong các lĩnh vực kỹ thuật, an toàn hàng hải, nhân sự, tài chính, kinh doanh.

nhiệm vụ được phân công chỉ đạo công tác điều hành trong các lĩnh vực kỹ thuật, an toàn hàng hải, nhân sự, tài chính, kinh doanh.

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về quản trị Công ty: không có

2. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 người trong đó có 01 trưởng ban kiểm soát và 02 uỷ viên.

a) Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành tính đến hết 31/12/2020:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMTND	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	SỐ CP ĐẠI DIỆN CHO TỔ CHỨC	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP	TĂNG (+) GIẢM (-)
1	Trần Thị Kim Lan	030168425	Trưởng ban kiểm soát	33.600	0	0,39%	0
2	Lê Hồng Quang	012013019	Uỷ viên ban kiểm soát	0	0	0%	0
3	Đan Hải Long	030946351	Uỷ viên ban kiểm soát	300	0	0.003%	0

b) Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ hàng quý kiểm tra tính hợp lý hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty, đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý:

* Thù lao HĐQT, ban kiểm soát năm 2020: 252.000.000 đồng/ năm, cụ thể như sau:

- + Thành viên HĐQT: 3.000.000đ/người/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát: 3.000.000đ/người/tháng
- + Thành viên ban kiểm soát: 1.500.000đ/người/tháng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THÙ LAO NĂM 2020
I	Hội đồng quản trị		
1	Lê Duy Hiệp	Chủ tịch HĐQT (T7 -T12/2020)	18.000.000
2	Vương Ngọc Sơn	Phó chủ tịch HĐQT	36.000.000
3	Lê Tất Hưng	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	36.000.000
4	Phan Duy Vân	Ủy viên HĐQT kiêm Phó GD (T1-T6/2020)	18.000.000
5	Phạm Thị Anh Thư	Ủy viên HĐQT	36.000.000
6	Nguyễn Bảo Trung	Ủy viên HĐQT	36.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Trần Thị Kim Lan	Trưởng BKS	36.000.000
2	Lê Hồng Quang	Ủy viên BKS	18.000.000
3	Đan Hải Long	Ủy viên BKS	18.000.000

* Chi phí hội họp, hoạt động khác của HĐQT: không trích.

* Các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát : Không có

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan của cổ đông nội bộ :

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với Công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty CP Transimex (Ông Lê Duy Hiệp - Chủ tịch HĐQT Công ty Transco là Tổng giám đốc Công ty CP Transimex)	0301874259	Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, ĐaKao, TPHCM	Tháng 11/2020	vận chuyển hàng từ cảng Nghi Sơn (Thanh Hoá) đến cảng Gò Dầu(Đồng Nai) theo hợp đồng số 0509-2020/TSC-TMS với giá trị là 355.135.550 đồng (bao gồm VAT)

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị liên tục học hỏi, tham gia các lớp đào tạo để nâng cao năng lực quản trị Công ty. Tăng tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị có tham gia điều hành Công ty để nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, từ đó có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, nâng cao hiệu quả quản trị Công ty. Tăng cường công tác chỉ đạo tiết giảm chi phí, điều hành khai thác tàu theo những tuyến hợp lý.

VI. Báo cáo tài chính

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và chấp thuận ý kiến toàn bộ. Toàn văn báo cáo kiểm toán năm 2020 được đính kèm báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Lê Tất Hưng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-31

11
CÔ
HNH
IG
A
NA

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Duy Hiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/06/2020
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó chủ tịch	
Ông Lê Tất Hưng	Ủy viên	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 29/06/2020
Bà Phạm Thị Anh Thư	Ủy viên	
Ông Nguyễn Bảo Trung	Ủy viên	
Ông Phan Duy Vân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2020

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc
Ông Phan Duy Vân	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Kim Lan	Trưởng ban
Ông Lê Hồng Quang	Thành viên
Ông Đan Hải Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 18 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		44.272.096.450	41.047.445.883
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.176.461.528	34.947.683.888
111	1. Tiền		5.676.461.528	6.947.683.888
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.500.000.000	28.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	21.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		21.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.411.953.584	1.595.874.592
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.220.575.254	1.253.145.129
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	589.328.614	90.495.357
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	870.251.346	520.435.736
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(268.201.630)	(268.201.630)
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.299.440.669	2.855.099.841
141	1. Hàng tồn kho		4.299.440.669	2.855.099.841
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.384.240.669	1.648.787.562
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	490.726.612	798.129.982
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.789.931.308	747.074.831
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	103.582.749	103.582.749
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		63.111.921.517	74.456.100.293
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		95.500.000	95.500.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	95.500.000	95.500.000
220	II. Tài sản cố định		59.207.035.978	71.765.656.125
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	51.897.282.093	64.510.360.125
222	- Nguyên giá		154.232.979.758	154.387.387.567
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(102.335.697.665)	(89.877.027.442)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	7.309.753.885	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.310.296.000	7.255.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(542.115)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.809.385.539	2.594.944.168
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.809.385.539	2.594.944.168
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		107.384.017.967	115.503.546.176

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.729.261.358	22.016.220.015
310	I. Nợ ngắn hạn		10.709.929.358	13.511.220.015
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	7.729.794.083	5.095.473.720
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	200.453.441	183.706.059
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	44.110.917	19.493.247
314	4. Phải trả người lao động		1.454.883.797	1.627.504.202
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	148.131.908	32.762.500
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	727.969.707	179.576.782
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	-	4.600.000.000
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	-	1.208.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		404.585.505	564.703.505
330	II. Nợ dài hạn		1.019.332.000	8.505.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	8.505.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	1.019.332.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		95.654.756.609	93.487.326.161
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	95.654.756.609	93.487.326.161
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.057.985.173	8.057.985.173
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.411.213.564)	(5.578.644.012)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(5.578.644.012)	20.921.398.059
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.167.430.448	(26.500.042.071)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		107.384.017.967	115.503.546.176



Phan Thị Nha Trang
Người lập



Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng





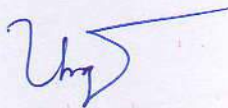
Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	102.751.617.888	134.182.053.752
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		102.751.617.888	134.182.053.752
11	4. Giá vốn hàng bán	23	96.134.276.410	136.707.067.360
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.617.341.478	(2.525.013.608)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.902.562.110	463.603.737
22	7. Chi phí tài chính	25	799.492.555	1.551.881.094
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		726.888.889	1.481.803.889
25	8. Chi phí bán hàng	26	1.389.355.817	865.459.649
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	5.645.635.168	6.622.418.648
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		685.420.048	(11.101.169.262)
31	11. Thu nhập khác	28	2.085.499.614	2.274.062.271
32	12. Chi phí khác	29	603.489.214	17.672.935.080
40	13. Lợi nhuận khác		1.482.010.400	(15.398.872.809)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.167.430.448	(26.500.042.071)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.167.430.448	(26.500.042.071)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	237	(3.081)



Phan Thị Nha Trang
Người lập



Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng





Lê Tất Hưng
Giám đốc

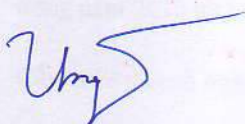
Hải Phòng, ngày 18 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		99.967.040.339	146.617.289.877
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(77.382.467.021)	(111.668.617.511)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(12.978.425.501)	(17.363.102.299)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(759.651.389)	(1.497.730.139)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(181.022.434)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.258.637.568	6.473.584.058
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.078.734.171)	(21.487.522.661)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.026.399.825	892.878.891
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.500.000)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		55.000.000	24.090.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(38.500.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		17.500.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.277.903.712	205.096.823
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.683.596.288)	24.296.005.914
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(13.105.000.000)	(4.600.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.105.000.000)	(4.600.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(24.762.196.463)	20.588.884.805
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		34.947.683.888	14.359.460.783
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(9.025.897)	(661.700)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	10.176.461.528	34.947.683.888




Phan Thị Nha Trang
Người lập



Trần Thị Thanh Nhận
Kế toán trưởng




Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 01 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 75 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 107 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2020, việc không còn khai thác tàu Transco Star (đã bán cuối năm 2019) cũng như ảnh hưởng từ tác động của dịch COVID - 19 khiến cho doanh thu và giá vốn cung cấp dịch vụ năm 2020 của Công ty giảm mạnh so với năm trước. Tuy nhiên, do không còn phải ghi nhận các khoản định phí phát sinh lớn liên quan đến tàu Transco Star (chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa thường xuyên, bảo hiểm...), giá nhiên liệu giảm sâu trong năm 2020 cũng như kiểm soát tốt ngày tàu vận hành nên hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2020 tốt hơn so với năm trước. Thông tin chi tiết xem thêm tại các Thuyết minh số 22, 23 và 32.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực dịch vụ vận tải.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm kế toán	03 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm chi phí đi vay vốn, các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	703.583.659	556.376.370
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.972.877.869	6.391.307.518
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	28.000.000.000
	10.176.461.528	34.947.683.888

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 4.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 3,35%/năm đến 3,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	21.000.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	21.000.000.000	-	-	-
	21.000.000.000	-	-	-

Tại ngày 31/12/2020, khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 07 tháng có giá trị 21.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,6%/năm đến 6,8%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Tâm Minh Đức	538.757.000	-	560.133.147	-
Công ty Cổ phần Logistics Mặt trời Phương Đông	1.063.691.803	-	-	-
Woongji Shipping Company Limited	1.391.455.410	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	1.226.671.041	(268.201.630)	693.011.982	(268.201.630)
	4.220.575.254	(268.201.630)	1.253.145.129	(268.201.630)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Việt Long	135.030.304	-	-	-
Guangxi Newnormal Int'l Logistics Co.,LTD	147.347.200	-	-	-
PT. DJAKARTA LLOYD (PERSERO)	260.822.502	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	46.128.608	-	90.495.357	-
	589.328.614	-	90.495.357	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	341.642.466	-	38.013.699	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.936.943	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	367.118	-	-	-
Tạm ứng	438.527.630	-	471.206.697	-
Phải thu khác	86.777.189	-	11.215.340	-
	870.251.346	-	520.435.736	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	95.500.000	-	95.500.000	-
	95.500.000	-	95.500.000	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Dịch vụ Vận Xuân	185.771.630	-	185.771.630	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Kim khí Tiến Ngọc	82.430.000	-	82.430.000	-
	268.201.630	-	268.201.630	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.299.440.669	-	2.855.099.841	-
	4.299.440.669	-	2.855.099.841	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	154.351.978.136	35.409.431	154.387.387.567
- Thanh lý, nhượng bán	(154.407.809)	-	(154.407.809)
Số dư cuối năm	154.197.570.327	35.409.431	154.232.979.758
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	89.841.618.011	35.409.431	89.877.027.442
- Khấu hao trong năm	12.613.078.032	-	12.613.078.032
- Thanh lý, nhượng bán	(154.407.809)	-	(154.407.809)
Số dư cuối năm	102.300.288.234	35.409.431	102.335.697.665
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	64.510.360.125	-	64.510.360.125
Tại ngày cuối năm	51.897.282.093	-	51.897.282.093

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.409.431 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.255.296.000	-	7.255.296.000
- Mua trong năm	-	55.000.000	55.000.000
Số dư cuối năm	7.255.296.000	55.000.000	7.310.296.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	542.115	542.115
Số dư cuối năm	-	542.115	542.115
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	7.255.296.000	-	7.255.296.000
Tại ngày cuối năm	7.255.296.000	54.457.885	7.309.753.885

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.255.296.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tàu	490.726.612	798.129.982
	490.726.612	798.129.982
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Glory	-	2.594.944.168
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Sky	3.809.385.539	-
	3.809.385.539	2.594.944.168

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	851.305.004	851.305.004	-	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	2.083.156.499	2.083.156.499	-	-
Wongsamut Ocean Shipping Co., Ltd	1.122.406.050	1.122.406.050	527.601.305	527.601.305
KPI Oceanconnect Pte Ltd	2.404.027.683	2.404.027.683	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.268.898.847	1.268.898.847	4.567.872.415	4.567.872.415
	7.729.794.083	7.729.794.083	5.095.473.720	5.095.473.720

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Shengfa Shipping (HongKong) Company Limited	188.137.660	183.706.059
Hemisphere Transport Holding Limited	12.315.781	-
	200.453.441	183.706.059

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	32.766.598	32.766.598	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	10.122.110	10.122.110	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	103.582.749	-	-	-	-	103.582.749	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	19.493.247	48.822.014	48.822.014	24.204.344	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	8.926.000	8.926.000	8.926.000	-	-	44.110.917
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-	-
	103.582.749	19.493.247	103.636.722	103.636.722	79.019.052	103.582.749	44.110.917	44.110.917

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	32.762.500
- Chi phí vận chuyển nội địa, cảng phí phải trả	148.131.908	-
	148.131.908	32.762.500

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	13.786.812	33.411.575
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	30.478.969	30.478.969
- Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	98.569.556	98.569.556
- Phải trả thuyền viên về bảo hiểm bồi thường tai nạn	580.500.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.634.370	17.116.682
	727.969.707	179.576.782

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

18 . VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	4.600.000.000	4.600.000.000	-	4.600.000.000	-	-
	4.600.000.000	4.600.000.000	-	4.600.000.000	-	-
	4.600.000.000	4.600.000.000	-	4.600.000.000	-	-
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	13.105.000.000	13.105.000.000	-	13.105.000.000	-	-
	13.105.000.000	13.105.000.000	-	13.105.000.000	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(4.600.000.000)	(4.600.000.000)	-	(4.600.000.000)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	8.505.000.000	8.505.000.000	-	-	-	-

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng sửa chữa định kỳ tàu Transco Sky	-	1.208.000.000
	-	1.208.000.000
b) Dài hạn		
- Dự phòng sửa chữa định kỳ tàu Transco Glory (*)	1.019.332.000	-
	1.019.332.000	-

(*) Theo kế hoạch lên đà sửa chữa đã được phê duyệt, tổng chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Glory dự kiến cho giai đoạn từ ngày 01/09/2020 đến ngày 28/02/2023 là 7.645.000.000 đồng. Công ty đang trích số dự phòng phải trả đối với chi phí sửa chữa lớn đều hàng tháng trong vòng 30 tháng theo chu kỳ lên đà sửa chữa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Báo cáo tài chính

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	86.000.000.000		5.007.985.000		7.996.557.898		21.156.538.064		120.161.080.962
Lỗ trong năm trước	-		-		-		(26.500.042.071)		(26.500.042.071)
Phân phối lợi nhuận	-		-		61.427.275		(235.140.005)		(173.712.730)
Số dư cuối năm trước	86.000.000.000		5.007.985.000		8.057.985.173		(5.578.644.012)		93.487.326.161
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000		5.007.985.000		8.057.985.173		(5.578.644.012)		93.487.326.161
Lãi trong năm nay	-		-		-		2.167.430.448		2.167.430.448
Số dư cuối năm nay	86.000.000.000		5.007.985.000		8.057.985.173		(3.411.213.564)		95.654.756.609

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Tỷ lệ		Đầu năm		Tỷ lệ	
	VND		(%)		VND		(%)	
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	28.800.000.000		33,49%		28.800.000.000		33,49%	
Công ty Cổ phần Transimex	28.364.000.000		32,98%		22.238.000.000		25,86%	
Các cổ đông khác	28.836.000.000		33,53%		34.962.000.000		40,65%	
	86.000.000.000		100%		86.000.000.000		100%	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.000.000.000	86.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	<u>86.000.000.000</u>	<u>86.000.000.000</u>
- Vốn góp cuối năm	<u>86.000.000.000</u>	<u>86.000.000.000</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.057.985.173	8.057.985.173
	<u>8.057.985.173</u>	<u>8.057.985.173</u>

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2020, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	-	336.000.000
	<u>-</u>	<u>336.000.000</u>

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	202.760.000	588.608.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	184.536.000
	<u>202.760.000</u>	<u>773.144.000</u>

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	162.853,47	149.468,56

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	96.325.092.388	106.787.872.335
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.426.525.500	27.394.181.417
	102.751.617.888	134.182.053.752

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	90.355.126.786	110.639.514.531
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.779.149.624	26.067.552.829
	96.134.276.410	136.707.067.360

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.581.532.479	236.839.289
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	321.029.631	226.626.822
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	137.626
	1.902.562.110	463.603.737

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	726.888.889	1.481.803.889
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	68.043.428	70.077.205
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4.560.238	-
	799.492.555	1.551.881.094

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.389.355.817	865.459.649
	1.389.355.817	865.459.649

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.990.656	63.691.306
Chi phí nhân công	3.843.067.530	4.303.172.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.382.727	231.840.612
Thuế, phí, lệ phí	18.676.000	7.574.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.022.047.165	1.500.608.157
Chi phí khác bằng tiền	472.471.090	515.532.500
	5.645.635.168	6.622.418.648

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	50.000.000	-
Tiền phạt thu được	2.035.262.704	1.663.962.299
Thu nhập từ việc quyết toán tiền dầu trên tàu khi thanh lý	-	303.858.747
Thu nhập ghi nhận từ các khoản phải trả không còn nghĩa vụ thanh toán	-	293.088.185
Thu nhập khác	236.910	13.153.040
	<u>2.085.499.614</u>	<u>2.274.062.271</u>

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	2.357.984.262
Các khoản bị phạt liên quan đến vụ kiện tàu Transco Star	-	14.483.751.451
Các khoản bị phạt khác	186.800.000	331.104.512
Khoản thưởng cho xếp dỡ hàng nhanh	416.405.456	148.140.591
Chi phí từ việc quyết toán tiền dầu trên tàu khi thanh lý	-	351.954.251
Chi phí khác	283.758	13
	<u>603.489.214</u>	<u>17.672.935.080</u>

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.167.430.448	(26.500.042.071)
Các khoản điều chỉnh tăng	137.177.060	266.261.212
- Chi phí không hợp lệ	126.000.000	265.599.512
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	11.177.060	661.700
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.304.607.508)	(207.750.078)
- Chuyển lỗ các năm trước	(2.304.607.508)	-
- Khoản thu nhập đã tính thuế các năm trước	-	(207.750.078)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(26.441.530.937)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	81.022.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(103.582.749)	(3.582.749)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(181.022.434)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>(103.582.749)</u>	<u>(103.582.749)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.167.430.448	(26.500.042.071)
Các khoản điều chỉnh:	(130.045.827)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(130.045.827)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.037.384.621	(26.500.042.071)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.600.000	8.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	237	(3.081)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2020, Công ty dự kiến trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với mức 6% Lợi nhuận sau thuế năm 2020.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.827.298.104	47.329.581.069
Chi phí nhân công	16.769.387.774	20.883.363.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.613.620.147	21.665.150.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.168.302.754	53.525.196.873
Chi phí khác bằng tiền	1.790.658.616	791.654.118
	103.169.267.395	144.194.945.657

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.176.461.528	-	34.947.683.888	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.186.326.600	(268.201.630)	1.869.080.865	(268.201.630)
Các khoản cho vay	21.000.000.000	-	-	-
	36.362.788.128	(268.201.630)	36.816.764.753	(268.201.630)
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	13.105.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	8.457.763.790	-	5.275.050.502	-
Chi phí phải trả	148.131.908	-	32.762.500	-
	8.605.895.698	-	18.412.813.002	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.176.461.528	-	-	10.176.461.528
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.822.624.970	95.500.000	-	4.918.124.970
Các khoản cho vay	21.000.000.000	-	-	21.000.000.000
	<u>35.999.086.498</u>	<u>95.500.000</u>	<u>-</u>	<u>36.094.586.498</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.947.683.888	-	-	34.947.683.888
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.505.379.235	95.500.000	-	1.600.879.235
	<u>36.453.063.123</u>	<u>95.500.000</u>	<u>-</u>	<u>36.548.563.123</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.457.763.790	-	-	8.457.763.790
Chi phí phải trả	148.131.908	-	-	148.131.908
	<u>8.605.895.698</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.605.895.698</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	4.600.000.000	8.505.000.000	-	13.105.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	5.275.050.502	-	-	5.275.050.502
Chi phí phải trả	32.762.500	-	-	32.762.500
	<u>9.907.813.002</u>	<u>8.505.000.000</u>	<u>-</u>	<u>18.412.813.002</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN KHÁC

Liên quan đến những thiệt hại phát sinh từ vụ kiện về việc vận chuyển lô hàng phân bón trị giá 781.922,5 USD từ cảng Zhapu, Trung Quốc về cảng Quy Nhơn của tàu Transco Star từ năm 2015, ngày 20 tháng 01 năm 2020, Công ty đã khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phân bón Cửu Long Việt Nam về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Hiện tại, đơn kiện của Công ty đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng thụ lý ngày 11 tháng 03 năm 2020 theo vụ án dân sự số 29/2020/TLST-DS. Theo thông báo số 2986/TB-TA ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng, thời gian tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sẽ được diễn ra từ tháng 01 năm 2021.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	96.325.092.388	6.426.525.500	102.751.617.888
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	5.969.965.602	647.375.876	6.617.341.478
Tổng chi phí mua TSCĐ			55.000.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	62.845.738.531	9.528.801.325	72.374.539.856
Tài sản không phân bổ			35.009.478.111
Tổng tài sản	62.845.738.531	9.528.801.325	107.384.017.967
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	9.625.374.957	143.385.000	9.768.759.957
Nợ phải trả không phân bổ			1.960.501.401
Tổng nợ phải trả	9.625.374.957	143.385.000	11.729.261.358

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Quốc tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.426.525.500	96.325.092.388	102.751.617.888
Tài sản bộ phận	9.528.801.325	62.845.738.531	72.374.539.856
Tài sản không phân bổ			35.009.478.111
Tổng chi phí mua TSCĐ			55.000.000

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Transimex

Cổ đông lớn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cung cấp dịch vụ	322.850.500	-
Công ty Cổ phần Transimex	322.850.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

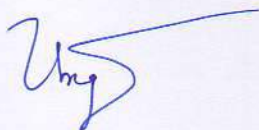
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	391.306.824	398.668.638
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	399.331.717	404.803.956

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Phan Thị Nha Trang
Người lập



Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 01 năm 2021

